

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/KDTM-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Lược;

Ông Bò Quốc Khánh.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM ngày 07/7/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ A; địa chỉ: 27/18 khu phố A, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Thành K, sinh năm 1982; nơi cư trú: 27/18 khu phố A, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền. Có yêu cầu xét xử vắng mặt

Bị đơn: Công ty TNHH Sơn Đ; địa chỉ: Thửa đất 396 tờ bản đồ 40, đường K, Tổ 5, khu phố K, phường K, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Vũ L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ A (gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH Sơn Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có quan hệ mua bán hàng hoá. Ngày 25/8/2024, hai bên có ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hoá. Ngày 03/10/2024, hai bên có ký báo giá kiêm xác nhận đặt hàng số 06/24. Theo đó bên bán là Công ty A bán cho Công ty Đ hàng hoá là các loại thanh chân chống gối, thanh toán trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty A dựa trên xác nhận đặt hàng của Công ty Đ đã giao hàng tới cho Công ty Đ. Sau khi giao hàng đầy đủ, Công ty A đã chốt công nợ, xuất hoá đơn cho Công ty Đ. Cụ thể Công ty A đã xuất cho Công ty Đ hoá đơn giá trị gia tăng số 1 ngày 02/11/2024 với tổng số tiền là 61.020.000 đồng, sau đó Công ty Đ đã thanh toán số tiền 25.000.000 đồng. Công nợ còn lại là 36.020.000 đồng cho đến nay Công ty Đ vẫn chưa thanh toán.

Công ty A nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty Đ thanh toán nhưng Công ty Đ không thanh toán. Do đó Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH Sơn Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ A số tiền hàng 36.020.000 đồng;

- Buộc Công ty TNHH Sơn Đ phải thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán là 2.622.000 đồng tính từ ngày 17/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2025 với mức lãi suất 0,7%/tháng.

Tổng số tiền yêu cầu là 38.642.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo hợp lệ cho Công ty Đ, triệu tập nhiều lần nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty Đ không có mặt, không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”. Buộc Công ty TNHH Sơn Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ A số tiền 38.642.000 đồng, gồm: Tiền nợ gốc 36.020.000 đồng, tiền lãi **2.622.000** đồng.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng nguyên tắc, đây là tranh chấp giữa hai chủ thể kinh doanh là thương nhân và đều nhằm mục đích lợi nhuận nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

[1.2] Về thẩm quyền: Theo hợp đồng hai bên giao kết, các bên có thoả thuận nếu phát sinh tranh chấp thì đưa lên Tòa án kinh tế tỉnh Bình Dương giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh), nơi có trụ sở bị đơn giải quyết. Bị đơn có trụ sở tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp của bị đơn đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đại diện nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng

mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng: Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc ngày 25/8/2024, Báo giá số 06/24 ngày 03/10/2024, Phiếu xuất kho ngày 08/10/2024, Phiếu xuất kho ngày 21/10/2024, Hoá đơn giá trị gia tăng số 1 ngày 02/11/2024 do nguyên đơn giao nộp có cơ sở xác định vào ngày 08/10/2024 và ngày 21/10/2024, nguyên đơn Công ty A đã bán cho bị đơn Công ty Đ hàng hoá gồm: 10.000 thanh chân chống (115 x 30 x 30), 5.000 thanh chân chống (110 x 30 x 30) và 1.000 thanh chân chống (140 x 30 x 30) với tổng giá trị 61.020.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán số tiền 25.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 36.020.000 đồng, bị đơn không có ý kiến phản bác cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ thể hiện đã thanh toán xong tiền hàng cho nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định bị đơn chưa thanh toán 36.020.000 đồng cho nguyên đơn, bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại.

[2.2] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Bị đơn chưa thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn nên phải chịu khoản tiền lãi do chậm thanh toán. Các đương sự thoả thuận tại Hợp đồng nguyên tắc, bị đơn phải thanh toán tiền trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận hàng. Do, Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 02/11/2024 nên thời điểm tính lãi chậm thanh toán là từ ngày 18/11/2024. Theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại, mức lãi suất để tính là lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 0,7%/tháng là phù hợp mức lãi suất nợ quá hạn công bố trên website của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng Ngoại thương.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 257, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- **Điều 306; Điều 319 của Luật thương mại;**

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ A về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với bị đơn Công ty TNHH Sơn Đ:

Buộc Công ty TNHH Sơn Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ A số tiền 38.642.000 đồng (Ba mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng), gồm: Tiền nợ gốc 36.020.000 đồng và tiền lãi **2.622.000** đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH Sơn Đ phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ A tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng đã nộp theo **biên** lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002854 ngày 18/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Loan